

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

Số: **5631** /VKSTC-V16
V/v thực hiện Tiêu chí chấm điểm
xếp loại thi đua

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **15** tháng 12 năm 2020

Kính gửi:

- Các đồng chí Thủ trưởng các đơn vị thuộc VKNSD tối cao;
- Các đồng chí Viện trưởng VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- Các đồng chí Viện trưởng VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân theo Quyết định số 424/QĐ-VKSTC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân là một trong những căn cứ cơ bản để đánh giá kết quả thi đua thường xuyên của các đơn vị trong Ngành, được áp dụng kể từ năm 2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đồng chí thông tin về Vụ Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Hải Trâm, PVT VKSTC (để b/c);
- Lưu VT, V16.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**




Phạm Vũ Thắng

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỐI CAO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 424 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua
trong ngành Kiểm sát nhân dân**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân, gồm 06 bảng:

Bảng 1. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

Bảng 2. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

Bảng 3. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các đơn vị Khối 1 Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Bảng 4. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các đơn vị Khối 2 Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Bảng 5. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các đơn vị Khối 3 Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Bảng 6. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua các đơn vị Khối 4 Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSNDTC;
- Lưu: VT, V16.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trâm

BẢNG 1
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI THI ĐUA
Các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-VKSTC ngày 25 tháng 11 năm 2020

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân)

PHẦN A. CHỈ TIÊU CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	1	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
2	3	Ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
3	11	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết vụ án hình sự từ khi khởi tố vụ án: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
4	12	Tỷ lệ khởi tố đối với người bị bắt, tạm giữ về hình sự: $\geq 97\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 97% được 5 điểm - Vượt 1% cộng thêm 1 điểm
5	13	Tỷ lệ khởi tố đối với các trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đã được Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn gia hạn tạm giữ: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
6	14	Tham gia hoặc trực tiếp lấy lời khai, gấp hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi xem xét phê chuẩn: $\geq 90\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 5 điểm - Vượt 1% cộng thêm 0,5 điểm
7	15	Ban hành yêu cầu điều tra: $\geq 90\%$ (tính trên tổng số vụ án thụ lý)	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 5 điểm - Vượt 1% cộng thêm 0,5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
8	19	Trực tiếp hoặc tham gia hỏi cung bị can: $\geq 90\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 5 điểm - Vượt 1% cộng thêm 0,5 điểm
9	21	Tỷ lệ giải quyết án của Viện kiểm sát: $\geq 95\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 95% được 5 điểm - Vượt 1% cộng thêm 1 điểm
10	23	Tỷ lệ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát	10.1. Do Viện kiểm sát trả: $\leq 2\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 2% được 10 điểm - Giảm 1% cộng thêm 5 điểm
	24		10.2. Do Tòa án trả: $\leq 3\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 3% được 10 điểm - Giảm 1% cộng thêm 3 điểm
11	22	Không có bị can đình chỉ điều tra do không phạm tội		10			- Không đạt không xét thi đua - Đạt được 10 điểm
12	22	Không có bị can đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự không đúng quy định của pháp luật có trách nhiệm của Viện kiểm sát		10			- Không đạt không xét thi đua - Đạt được 10 điểm
13	26	Ban hành quyết định truy tố đúng thời hạn: 100%		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
14	26	Ban hành quyết định truy tố đúng tội danh: $\geq 98\%$		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm - Vượt 1% cộng thêm 1 điểm
15	27	Xác định, giải quyết án trọng điểm: $\geq 5\%$ đối với đơn vị > 100 vụ án/ năm hoặc ≥ 2 vụ án đối với đơn vị dưới 100 vụ án/năm		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 5\%$ đối với đơn vị > 100 vụ án/ năm hoặc ≥ 2 vụ án đối với đơn vị dưới 100 vụ án/năm được 5 điểm - Vượt 1% hoặc 1 vụ cộng thêm 0,5 điểm; tối đa không quá 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
16	28	Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn 100% đối với các vụ án có đủ điều kiện	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
17	39	Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên huỷ bản án, quyết định để điều tra, xét xử lại có trách nhiệm của Viện kiểm sát: 0%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
18	40	Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội: 0%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
19	42	Kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
20	43a	Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm hình sự ngang cấp trên số bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa hoặc huỷ do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 25\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 25% được 10 điểm - Vượt 1% được cộng thêm 0,5 điểm; tối đa không quá 5 điểm
21	43b	Tỷ lệ giữa số kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện trên tổng số các vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa hoặc huỷ án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 15\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 15% được 10 điểm - Vượt 1% được cộng thêm 0,5 điểm; tối đa không quá 5 điểm
22	44	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự 22.1. Kháng nghị của Viện kiểm sát ngang cấp: Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm trong bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp mà được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm ngang cấp: $\geq 85\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 85% được 5 điểm - Vượt 3% được cộng thêm 1 điểm
		22.2. Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm sau đó được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm; Vượt 6% được cộng thêm 1 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
			22.3. Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát rút kháng nghị phúc thẩm (kể cả rút tại phiên tòa) và số bị cáo Tòa án không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm Viện kiểm sát trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 20\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 20% được 5 điểm - Giảm 4% được cộng thêm 1 điểm
23	49	Lãnh đạo Viện kiểm sát trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự 01 lãnh đạo Viện: ≥ 01 phiên tòa/01 năm		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 01 phiên tòa/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 phiên tòa được cộng 1 điểm; tối đa không quá 5 điểm
24	71	Không có trường hợp vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ, tạm giam có trách nhiệm của Viện kiểm sát		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
25	74	Kiểm sát quyết định miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách, tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
26	76	Yêu cầu bắt thi hành án hình sự số người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, không tự nguyện thi hành án và đã có đủ điều kiện bắt để đảm bảo thi hành đúng thời hạn 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
27	72	Kiểm sát các quyết định thi hành án của Tòa án: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
28	73	Kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị giảm, rút ngắn hình phạt và biện pháp tư pháp: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
29	85	Kiểm sát thụ lý, giải quyết các vụ, việc ngay từ khi Tòa án thụ lý: 100%	29.1. Trong công tác KS việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	107		29.2. Trong công tác KS việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	5			

STT	STT chỉ tiêu nghệp vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
30	88	Kiểm sát viên kiểm sát tại phiên tòa, phiên họp mà Viện kiểm sát phải tham gia theo quy định: 100%	30.1. Trong công tác KS việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	110		30.2. Trong công tác KS việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	5			
31	90	Số bản án, quyết định bị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy có trách nhiệm của Viện kiểm sát: 0%	31.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 0% được 10 điểm
	112		31.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	10			
32	92	Kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm: 100%	32.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	114		32.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	5			
33	93a	Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát đối với bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp trên số bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa hoặc hủy do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát	33.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: $\geq 20\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 20% được 5 điểm - Vượt 2% được cộng thêm 0,5 điểm; tối đa không quá 5 điểm
	115a		33.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: $\geq 20\%$	5			

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
34	93b	Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện trên tổng số các vụ án được Tòa án cấp tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm và đã tuyên sửa hoặc hủy án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát	34.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: $\geq 20\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 20% được 5 điểm - Vượt 2% được cộng thêm 0,5 điểm; tối đa không quá 5 điểm
	115b		34.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: $\geq 20\%$	5			
35	94a	Số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm ngang cấp được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị trên số vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm ngang cấp	35.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: $\geq 90\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 5 điểm - Vượt 2% được cộng thêm 1 điểm - Không đạt không chấm điểm - Đạt 85% được 5 điểm - Vượt 3% được cộng thêm 1 điểm
	116a		35.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: $\geq 85\%$	5			
36	94b	Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã được xét xử	36.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: $\geq 70\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% được cộng thêm 1 điểm
	116b		36.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: $\geq 70\%$	5			
37	94c	Tỷ lệ số vụ, việc Viện kiểm sát rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số	37.1. Đối với các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: $\leq 5\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 5% được 5 điểm - Giảm 1% được cộng thêm 1 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	116c	vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm	37.2. Đối với các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: $\leq 15\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 15% được 5 điểm - Giảm 3% được cộng thêm 1 điểm
38	129	Kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ và tham gia phiên họp trong công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
39	130	Kiểm sát việc quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án, quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn thời hạn áp dụng biện pháp hành chính: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
40	143	Kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ và tham gia phiên họp trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
41	133	Kiểm sát việc ra quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án trong thời hạn luật định: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
42	134	Kiểm sát và lập hồ sơ kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính: 100%	42.1. Đối với việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 2 điểm
			42.2. Đối với việc hoãn, tạm đình chỉ và đình chỉ thi hành án	2			
			42.3. Đối với việc chưa có điều kiện thi hành	2			
			42.4. Đối với áp dụng thời hiệu	2			
			42.5. Đối với việc cưỡng chế thi hành án	2			
			42.6. Đối với việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo	2			
43	144	Tổ chức tiếp công dân bảo đảm đúng quy định của pháp luật: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
44	145	Tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý đơn đúng quy định của pháp luật và của VKSND tối cao: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
45	146	Quản lý, theo dõi, tổng hợp kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: 100%		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
46	148	Kiểm tra đối với các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: $\geq 70\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% được cộng thêm 1 điểm
47	150	Tỷ lệ kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp: $\geq 70\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% được cộng thêm 1 điểm
48	10	Ban hành	48.1. Trong công tác THQCT, KS việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: ≥ 02 thông báo/01 năm	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 2 điểm - Vượt 1 thông báo được cộng thêm 1 điểm; tối đa không quá 2 điểm
	34	thông báo rút	48.2. Trong công tác THQCT, KSĐT vụ án hình sự, kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố: ≥ 01 thông báo/01 quý	2			
	53	kinh nghiệm	48.3. Trong công tác THQCT, KSXX vụ án hình sự: ≥ 01 thông báo/01 quý	2			
	81		48.4. Trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự: ≥ 02 thông báo/01 năm	2			
	102		48.5. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: ≥ 1 thông báo/01 quý	2			
	124		48.6. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: ≥ 01 thông báo/01 quý	2			
	140		48.7. Trong công tác Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính: ≥ 01 thông báo/01 quý	2			
	152		48.8. Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp: ≥ 02 thông báo/01 năm	2			
49	33	Trả lời thỉnh thị	49.1. Trong công tác THQCT, KSĐT vụ án hình sự, kiểm sát hoạt động tư pháp và trong giai đoạn truy tố	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 2 điểm
	52	đúng	49.2. Trong công tác THQCT, KSXX vụ án hình sự	2			
	80	thời hạn:	49.3. Trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự	2			

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	101	100%	49.4. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình	2			
	123		49.5. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	2			
	139		49.6. Trong công tác Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính	2			
	151		49.7. Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp	2			
50	48	Phối hợp tổ chức phiên toà rút kinh nghiệm	50.1. Trong công tác THQCT, KSXX vụ án hình sự: 01 KSV $\geq$ 02 phiên tòa/01 năm	5			- Không đạt không chấm điểm - Mỗi tiêu chí đạt được 5 điểm - Đơn vị đạt được cả 3 tiêu chí được cộng thêm 5 điểm
	98		50.2. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: 01 KSV $\geq$ 01 phiên tòa/01 năm	5			
	120		50.3. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: 01 KSV $\geq$ 01 phiên tòa/01 năm	5			
51	7	Trực tiếp kiểm sát	51.1. Trong công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết, lập hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: $\geq$ 01 lần/01 năm	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm - Vượt 1 lần được cộng thêm 1 điểm; tối đa không quá 5 điểm.
	77	theo luật định	51.2. Trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự	Trại tạm giam thuộc CA cấp tỉnh: $\geq$ 01 lần/01 quý	5		
				Trại giam đóng trên địa bàn: $\geq$ 02 lần/01 năm	5		
				Cơ quan thi hành án hình sự Công an cùng cấp: $\geq$ 01 lần/01 năm	5		
	132		51.3. Trong công tác kiểm sát hoạt động thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự: $\geq$ 01 lần/01 năm	5			

STT	STT chỉ tiêu nghệp vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	149		51.4. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp ≥ 01 lần/01 năm	5			
52	8	Ban hành kháng nghị, kiến nghị	52.1. Ban hành kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong công tác THQCT, KS việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 2 điểm - Vượt 1 kiến nghị (kháng nghị) được cộng thêm 1 điểm; tối đa không quá 2 điểm
	29		52.2. Ban hành kiến nghị yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm pháp luật điều tra trong công tác THQCT, KSĐT, KS hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm	2			
	31		52.3. Ban hành kiến nghị xử lý, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong công tác THQCT, KSĐT, KS hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố: ≥ 02 kiến nghị /01 năm	2			
	50		52.4. Ban hành kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật trong công tác THQCT, KSXX vụ án hình sự: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm	2			
	78		52.5. Ban hành kháng nghị, kiến nghị trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp hoặc 01 kháng nghị /01 năm	2			
	103		52.6. Ban hành kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: ≥ 01 kiến nghị /01 năm	2			
	99		52.7. Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện 100% trong việc:	52.7.1. Ban hành thông báo trả lại đơn khởi kiện	1		
		52.7.2. Những trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ có căn cứ nhưng Tòa án không thực hiện		1			

STT	STT chỉ tiêu nghiep vu	Tiêu chí chấm điểm			Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
			52.7.3. Những vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án		1			
			52.7.4. Những vi phạm trong việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án		1			
			52.7.5. Những vi phạm trong việc ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời		1			
			52.7.6. Những vi phạm khác theo quy định của pháp luật		1			
	125	52.8. Ban hành kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: ≥ 01 kiến nghị /01 năm			2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 2 điểm - Vượt 01 kiến nghị được cộng thêm 1 điểm; tối đa không quá 2 điểm
	121	52.9. Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện 100% trong việc:	52.9.1. Ban hành thông báo trả lại đơn khởi kiện		1			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 1 điểm
			52.9.2. Những trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ có căn cứ nhưng Tòa án không thực hiện		1			
			52.9.3. Những vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án		1			
			52.9.4. Những vi phạm trong việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án		1			
			52.9.5. Những vi phạm trong việc ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời		1			
			52.9.6. Những vi phạm khác theo quy định của pháp luật		1			

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	136		52.10. Ban hành kháng nghị, kiến nghị trong công tác kiểm sát hoạt động thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự, thi hành án hành chính: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp hoặc 01 kháng nghị /01 năm	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 2 điểm - Vượt 1 kiến nghị (kháng nghị) được cộng thêm 2 điểm; tối đa không quá 2 điểm
	137		52.11. Ban hành kiến nghị, kháng nghị yêu cầu Ủy ban nhân dân, cơ quan liên quan khắc phục vi phạm pháp luật trong thi hành án hành chính mà Viện kiểm sát đã phát hiện: 100%	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 2 điểm
	131		52.12. Ban hành kiến nghị, kháng nghị yêu cầu Tòa án, cơ quan liên quan khắc phục vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện thông qua công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án: 100%	2			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 2 điểm
53	86	Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Tòa án	53.1. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	108		53.2. Trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
		Tổng điểm phần A:		484			

PHẦN B. CÔNG TÁC KHÁC

STT	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; thực hiện khâu đột phá, các quy định về dân chủ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, văn hóa công sở và kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
2	Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo, thống kê trong Ngành: đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo đảm thời hạn.		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
3	Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ đúng quy định		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
4	Bảo đảm mối quan hệ công tác tốt với cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
5	Tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời, đầy đủ các Chỉ thị, Kế hoạch của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về xây dựng và áp dụng pháp luật		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
6	Tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm công chức, thực hiện chế độ chính sách cán bộ đúng quy định		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
7	Kết quả thực hiện bộ chỉ số ứng dụng Công nghệ thông tin trong Ngành đạt yêu cầu trên 800 điểm		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt từ trên 800 điểm thì được 10 điểm
8	Chấp hành chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và của Ngành; quản lý, sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước, đúng quy định		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
9	Công tác thi đua, khen thưởng	Đăng ký thi đua; bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng đúng quy định	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
		Lập và gửi hồ sơ thi đua, khen thưởng đúng quy định, đúng thời hạn	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
	Tổng số điểm phần B:		75			

PHẦN C. ĐIỂM THƯỞNG

STT	STT chỉ tiêu nghịệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	5	Yêu cầu hoặc tự ra quyết định xử lý giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố			Cộng 1 điểm/01 yêu cầu (quyết định); tối đa không quá 10 điểm
2	6	Trực tiếp thụ lý giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố			Cộng 2 điểm/01 trường hợp tối đa không quá 10 điểm
3	18	Yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp ban hành quyết định khởi tố vụ án khi có đủ căn cứ nhưng Cơ quan điều tra không khởi tố: 100%			Đạt 100% thì được 5 điểm
4	18	Yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp ban hành quyết định khởi tố bị can khi có đủ căn cứ nhưng Cơ quan điều tra không khởi tố: 100%			Đạt 100% thì được 5 điểm
5	BL TTHS	Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có căn cứ			Đạt 100% thì được 5 điểm
6	25	Yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra khi có đủ căn cứ: 100%			Đạt 100% thì được 5 điểm
7	25	Viện kiểm sát phục hồi vụ án khi có đủ căn cứ: 100%			Đạt 100% thì được 5 điểm
8	4	Ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ đối với những vụ việc có dấu hiệu tội phạm tham nhũng, kinh tế làm thất thoát, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước: 100%			Đạt 100% thì được 5 điểm
9	17	Ban hành yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án tham	9.1 Trong công tác THQCT, KSĐT, KS hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố		Cộng 1 điểm/01 yêu cầu; tối đa không quá 10 điểm
	37	những, kinh tế, chức vụ, để bảo	9.2 Trong công tác THQCT, KS xét xử vụ án hình sự		
	135	đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt: 100%	9.3 Trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính		
10	BL TTHS	Hủy bỏ quyết định trái pháp luật của cơ quan điều tra			Cộng 1 điểm/01 quyết định; tối đa không quá 10 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghịệp vụ	Tiêu chí chấm điểm		Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
11	35	Số đơn khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng hạn trên tổng số đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết: 100%	11.1 Trong công tác THQCT, KSĐT, KS hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố			Đạt thì được 2 điểm/ 01 khâu công tác (nếu có)
	54		11.2 Trong công tác THQCT, KS xét xử vụ án hình sự			
	83		11.3 Trong công tác KS việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự			
	105		11.4 Trong công tác KS việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình			
	127		11.5 Trong công tác KS việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật			
	141		11.6 Trong công tác KS thi hành án dân sự, thi hành án hành chính			
12	36	Tỷ lệ số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đã được đơn vị giải quyết trên tổng số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà đơn vị thụ lý giải quyết: $\geq 80\%$	12.1 Trong công tác THQCT, KSĐT, KS hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố			Đạt thì được 2 điểm/ 01 khâu công tác (nếu có)
	55		12.2 Trong công tác THQCT, KS xét xử vụ án hình sự			
	84		12.3 Trong công tác KS việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự			
	106		12.4 Trong công tác KS việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình			
	128		12.5 Trong công tác KS việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật			
	142		12.6 Trong công tác KS thi hành án dân sự, thi hành án hành chính			
13	87	Ban hành yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập	13.1. Trong công tác KS việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình			Đạt 100% được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	109	chứng cứ đối với những vụ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ: 100%	13.2. Trong công tác KS việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật			Đạt 100% được 5 điểm
14	Điểm b, K2, NQ96	Ban hành kiến nghị khắc phục vi phạm thông qua các vụ việc cụ thể: có căn cứ, đúng pháp luật				Cộng 1 điểm/01 kiến nghị; tối đa không quá 10 điểm
15	QC THADS	Trực tiếp xác minh điều kiện thi hành án dân sự				Cộng 1 điểm/5 việc; tối đa không quá 10 điểm
16		Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về pháp luật và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.				Cộng 1 điểm/ 01 vụ việc; tối đa không quá 10 điểm
17		Tổ chức, phát động phong trào thi đua nội bộ thiết thực, hiệu quả (ngoài các phong trào thi đua do cấp trên phát động)				Cộng 1 điểm/01 phong trào; tối đa không quá 10 điểm
18		Tổ chức các cuộc thi về chuyên môn, nghiệp vụ				Cộng 2 điểm/01 cuộc thi; tối đa không quá 10 điểm
19		Tổ chức hội thảo, hội nghị tập huấn, các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức tại địa phương, đơn vị				Cộng 2 điểm/01 hội nghị, hội thảo; tối đa không quá 10 điểm
20		Tổ chức giao lưu hoặc tuyên truyền, giới thiệu các gương điển hình tiên tiến trên các phương tiện truyền thông				Cộng 2 điểm/01 buổi giao lưu (tuyên truyền); tối đa không quá 10 điểm
21		Tham mưu cho cấp ủy địa phương trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (thành tích được cấp ủy địa phương ghi nhận bằng văn bản)				Cộng 10 điểm (nếu có)
22		Không để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị				Cộng 5 điểm
23		Thực hiện tốt các vụ án do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ủy quyền THQCT và kiểm sát xét xử				Cộng 2 điểm/01 vụ; tối đa không quá 10 điểm
24		Ban hành quy chế phối hợp với các tổ chức, cơ quan, ban, ngành của địa phương nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ				Cộng 2 điểm/01 quy chế; tối đa không quá 10 điểm
25		Trực tiếp phát hiện, chủ động xử lý và khắc phục vi phạm đối với tập thể, cá nhân thuộc đơn vị, địa phương quản lý				Cộng 2 điểm/01 trường hợp; tối đa không quá 10 điểm
		Tổng số điểm phần C:				

PHẦN D. ĐIỂM TRỪ

STT	Tiêu chí chấm điểm	Kết quả	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Không tổ chức xây dựng, nhân rộng, tuyên truyền gương điển hình tiên tiến			Không có trừ 10 điểm
2	Có cán bộ, công chức của đơn vị trực thuộc cấp phòng, cấp huyện bị xử lý kỷ luật (Đảng, chính quyền) từ hình thức khiển trách trở lên			3 điểm/01 cán bộ bị khiển trách 5 điểm/01 cán bộ bị cảnh cáo 7 điểm/01 cán bộ bị cách chức, hạ bậc lương 10 điểm/01 cán bộ bị buộc thôi việc
3	Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi			Trừ 10 điểm (nếu có)
4	Cản trở hoặc ép buộc cá nhân, tổ chức tham gia phong trào thi đua			Trừ 10 điểm (nếu có)
5	Xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng			Trừ 10 điểm (nếu có)
6	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật			Trừ 10 điểm (nếu có)
Tổng số điểm phần D:				

PHẦN E. TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA

STT	Tiêu chí
1	Nội bộ lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh mất đoàn kết, không gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Quy định của Ngành đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức Đảng, đoàn thể không hoàn thành nhiệm vụ; có lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên
2	Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền
3	Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang bị thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ
4	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không đăng ký thi đua, không phát động các phong trào thi đua do cấp trên phát động

STT	Tiêu chí
5	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ bị khởi tố về hình sự
6	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có vi phạm nghiêm trọng trong công tác tổ chức cán bộ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền
7	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cá nhân thuộc quyền quản lý đã kê khai gian dối; làm giả hồ sơ thi đua, khen thưởng
8	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có bị can phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do không phạm tội, có bị cáo được Toà án tuyên không phạm tội mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, có lỗi của Viện kiểm sát
9	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trường hợp vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ, tạm giam gây hậu quả nghiêm trọng có trách nhiệm của Viện kiểm sát
10	Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đình chỉ điều tra, miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến bỏ lọt tội phạm

Tổng số điểm đạt được (tổng số điểm của phần A+B+C-D):.....

Kết quả: đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua:.....

..., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢNG 2
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI THI ĐUA
Các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-VKSTC ngày 25 tháng 11 năm 2020

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân)

PHẦN A. CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

STT	STT chỉ tiêu nghệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	37	Ban hành yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ, để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
2	39	Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy bản án, quyết định để điều tra, xét xử lại có trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp cao: 0%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 0% được 5 điểm
3	40	Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội: 0%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 0% được 5 điểm
4	41	Gửi bản án, quyết định của Tòa án cấp cao đến Viện kiểm sát tối cao đúng thời hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
5	42,92, 114	Kiểm sát bản án, quyết định thuộc thẩm quyền: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
6	43	Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của VKSND cấp cao đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới trên tổng số các vụ án được Tòa án nhân dân cấp cao xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên sửa hoặc hủy án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, phúc thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp dưới: $\geq 10\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 10% được 5 điểm - Vượt 1% cộng 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
7	44	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm:	- Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát cấp cao bảo vệ kháng nghị phúc thẩm sau đó được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% cộng 1 điểm
			- Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát rút có kháng nghị phúc thẩm (kể cả rút tại phiên tòa) và số bị cáo Tòa án không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát cấp cao đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 20\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 20% được 5 điểm - Giảm 4% cộng 1 điểm
8	45	Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm:	- Tỷ lệ số bị cáo có kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát cấp cao được Hội đồng xét xử chấp nhận trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị được xét xử: $\geq 75\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 75% được 5 điểm - Vượt 5% cộng 1 điểm
			- Tỷ lệ số bị cáo Viện kiểm sát cấp cao đã kháng nghị giám đốc thẩm nhưng sau đó đã rút kháng nghị (kể cả rút tại phiên tòa) và số bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát cấp cao trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị giám đốc thẩm: $\leq 25\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 25% được 5 điểm - Giảm 5% cộng 1 điểm
9	47, 97, 119	Tỷ lệ vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hồ sơ giải quyết và được giải quyết trên tổng số vụ việc theo đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm Viện kiểm sát đã có hồ sơ xem xét, giải quyết: $\geq 80\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 80% được 5 điểm - Vượt 4% cộng 1 điểm
10	48, 98, 120	Phối hợp tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm: 01 Kiểm sát viên ≥ 01 phiên tòa /01 năm		5			- Không đạt không chấm điểm - Một KSV đạt 01 phiên tòa rút kinh nghiệm/01 năm được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
11	50	Ban hành văn bản kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp/01 quý	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 04 kiến nghị/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 kiến nghị/01 năm cộng 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm
12	52, 101, 123	Trả lời thỉnh thị đúng hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
13	53, 102, 124	Ban hành thông báo rút kinh nghiệm: ≥ 01 thông báo/01 quý	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 04 thông báo/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 thông báo/01 năm cộng 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm
14	85, 107	Kiểm sát thụ lý, giải quyết các vụ, việc ngay từ khi Tòa án thụ lý: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
15	88, 110	Kiểm sát viên kiểm sát tại phiên tòa, phiên họp mà Viện kiểm sát cấp cao phải tham gia theo quy định: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
16	90, 112	Số bản án, quyết định Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy có trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp cao: 0%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 0% được 5 điểm
17	91, 113	Số bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án mà Viện kiểm sát cấp dưới gửi đến Viện kiểm sát cấp trên đúng hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
18	93, 115	Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của VKSND cấp cao đối với bản án, quyết định (sơ thẩm) của Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện trên tổng số các vụ án được TAND cấp cao xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đã tuyên sửa hoặc hủy án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp dưới: $\geq 15\%$		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 15% được 5 điểm - Vượt 1% cộng 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm
19	94, 116	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm	Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát cấp cao bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên số vụ, việc Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% cộng 1 điểm
			Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát cấp cao đã rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát cấp cao đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 5\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 5% được 5 điểm - Giảm 1% cộng 1 điểm
20	95, 117	Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm	- Tỷ lệ số vụ, việc có kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát cấp cao được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và Tòa án đã xét xử: $\geq 75\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 75% được 5 điểm - Vượt 5% cộng 1 điểm
			- Tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát cấp cao rút (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số kháng nghị của Viện kiểm sát cấp cao: $\leq 5\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 5% được 5 điểm - Giảm 1% cộng 1 điểm
21	99, 121	Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục những vi phạm	- Những trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ có căn cứ nhưng Tòa án không thực hiện: 100%	1			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 1 mục được 1 điểm
			- Thời hạn giải quyết vụ án: 100%	1			

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
		pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện về:	- Việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án: 100% - Việc ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời: 100% - Vi phạm khác theo quy định của pháp luật: 100%	1 1 1		
22	103, 125	Ban hành kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật: ≥ 01 kiến nghị /01 năm	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 01 kiến nghị/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 kiến nghị/01 năm cộng 1 điểm, tối đa không quá 5 điểm
23	144	Tổ chức tiếp công dân đúng quy định của pháp luật: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
24	145	Tiếp nhận, phân loại xử lý đơn đúng quy định của pháp luật và của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
25	146	Quản lý, theo dõi, tổng hợp kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
26	147	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: $\geq 80\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 80% được 5 điểm - Vượt 4% cộng 1 điểm
27	148	Kiểm tra các quyết định, giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: $\geq 70\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 5 điểm - Vượt 6% cộng 1 điểm
28		Thực hiện công tác kế toán – tài chính: Đúng quy định	5			- Có vi phạm không chấm điểm - Đạt chấm 5 điểm
29		Quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản công: Đúng quy định	5			- Có vi phạm không chấm điểm - Đạt chấm 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghị vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
Tổng số điểm phần A:			165			

PHẦN B. CÔNG TÁC KHÁC

STT	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Tổ chức triển khai, thực hiện các Chỉ thị, Kế hoạch của Viện trưởng VKSND tối cao: Đầy đủ, kịp thời		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
2	Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, khâu đột phá hằng năm: Đúng theo yêu cầu công tác		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
3	Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện quy chế dân chủ: Có đổi mới, đúng quy định		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
4	Chấp hành chế độ báo cáo số liệu thống kê: Đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
5	Công tác văn thư, lưu trữ bảo quản hồ sơ, tài liệu: Đúng quy định		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
6	Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan: Hiệu quả, chất lượng		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
7	Kết quả thực hiện bộ chỉ số ứng dụng Công nghệ thông tin trong Ngành đạt yêu cầu trên 800 điểm		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt từ trên 800 điểm được 10 điểm.
8	Công tác thi đua, khen thưởng	- Đăng ký thi đua; bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng: Đúng quy định	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm
		- Lập và gửi hồ sơ thi đua, khen thưởng: Đúng quy định	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 5 điểm

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
Tổng cộng điểm phần B:		70			

PHẦN C. ĐIỂM THƯỞNG

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm thưởng	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	54, 105, 127	Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng thời hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
2	55, 106, 128	Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: $\geq 80\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 80% được 5 điểm
3	87, 109	Ban hành yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ đối với những vụ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
4		Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng VKSND tối cao giao: Kịp thời, hiệu quả	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
5		Tổ chức, phát động phong trào thi đua nội bộ thiết thực, hiệu quả (ngoài các phong trào thi đua do cấp trên phát động)				Cộng 1 điểm/01 phong trào; tối đa không quá 10 điểm
6		Tổ chức các cuộc thi về Ngành, chuyên môn, nghiệp vụ				Cộng 2 điểm/01 phong trào; tối đa không quá 10 điểm
7		Chủ trì, phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn, tự đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Chất lượng, hiệu quả				Cộng 2 điểm/01 hội nghị, hội thảo; tối đa không quá 10 điểm
8		Tổ chức giao lưu hoặc tuyên truyền, giới thiệu các gương điển hình tiên tiến trên các phương tiện truyền thông				Cộng 2 điểm/01 buổi giao lưu (tuyên truyền); tối đa không quá 10 điểm
9		Trực tiếp phát hiện, chủ động xử lý và khắc phục vi phạm đối với tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý				Cộng 5 điểm/01 trường hợp; tối đa không quá 10 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm thưởng	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
Tổng cộng điểm phần C:						

PHẦN D. ĐIỂM TRỪ

STT	Tiêu chí chấm điểm	Kết quả	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Không tổ chức xây dựng, nhân rộng, tuyên truyền gương điển hình tiên tiến			Không có trừ 10 điểm
2	Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên			3 điểm/01 cán bộ bị khiển trách 5 điểm/01 cán bộ bị cảnh cáo 7 điểm/ 01 cán bộ bị cách chức, hạ bậc lương 10 điểm/01 cán bộ bị thôi việc
3	Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi			Trừ 10 điểm (nếu có)
4	Cản trở hoặc ép buộc cá nhân tổ chức tham gia phong trào thi đua			Trừ 10 điểm (nếu có)
5	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật			Trừ 10 điểm (nếu có)
Tổng cộng điểm phần D:				

PHẦN E. TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA

STT	Tiêu chí
1	Nội bộ lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao mất đoàn kết, không gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Ngành đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức Đảng, đoàn thể không hoàn thành nhiệm vụ; có lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

STT	Tiêu chí
2	Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền
3	Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang bị thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ
4	Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không đăng ký thi đua, không phát động các phong trào thi đua do cấp trên phát động
5	Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có công chức vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ bị khởi tố về hình sự
6	Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có vi phạm nghiêm trọng trong công tác tổ chức cán bộ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền
7	Tập thể, cá nhân kê khai gian dối; làm giả hồ sơ thi đua, khen thưởng

Tổng số điểm đạt được (tổng số điểm của phần A+B+C-D):.....

Kết quả: đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua:.....

..., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢNG 3

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI THI ĐUA

Các đơn vị Khối 1 Viện kiểm sát nhân dân tối cao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-VKSTC ngày 25 tháng 11 năm 2020

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân)

PHẦN A. CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN CỦA VỤ 1, VỤ 2, VỤ 3, VỤ 4, VỤ 5, VỤ 6						
1	01	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
2	02	Tỷ lệ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết đúng thời hạn: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
3	03	Ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
4	05	Ban hành yêu cầu hoặc tự ra quyết định xử lý, giải quyết khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
5	06	Trực tiếp thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
6	07	Trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: ≥ 01 lần/01 năm	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 01 lần/01 năm được 10 điểm - Vượt 01 lần/01 năm cộng 2 điểm, tối đa không quá 10 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
7	08	- Ban hành văn bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 kiến nghị cộng 2 điểm, tối đa không quá 5 điểm
	10, 34	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm: ≥ 01 thông báo/01 quý	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 04 thông báo/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 thông báo cộng 2 điểm, tối đa không quá 5 điểm
8	11	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết vụ án hình sự từ khi khởi tố vụ án: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
9	12	Tỷ lệ khởi tố đối với các trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đã được Viện kiểm sát phê chuẩn gia hạn tạm giữ: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
10	13	Tỷ lệ số người bị bắt, tạm giữ về hình sự chuyển khởi tố: $\geq 97\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 97% được 10 điểm - Vượt 1% cộng 1 điểm
11	14, 19	Tham gia hoặc trực tiếp lấy lời khai, gặp hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi xem xét phê chuẩn hoặc trực tiếp, tham gia hỏi cung bị can: $\geq 90\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 10 điểm - Vượt 2% cộng 2 điểm
12	15	Ban hành yêu cầu điều tra (trên tổng số vụ án thụ lý): $\geq 90\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 10 điểm - Vượt 2% cộng 2 điểm
13	20	Tỷ lệ giải quyết án	- Trong giai đoạn điều tra đúng thời hạn: 100%	5		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	21		- Của Viện kiểm sát đạt: $\geq 85\%$	5		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 85% được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm		Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
14	22	Đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội; đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự nhưng không đúng quy định của pháp luật có trách nhiệm của Viện kiểm sát: 0%		10			- Không đạt không xét thi đua - Đạt 0% được 10 điểm
15	23	Tỷ lệ án Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 5\%$		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 5% được 10 điểm - Giảm 1% cộng 2 điểm
16	24	Tỷ lệ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 10\%$		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 10% được 10 điểm - Giảm 1% cộng 1 điểm
17	25	Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có đủ căn cứ: 100%		10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
18	26	Ban hành quyết định truy tố:	- Đúng thời hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
			- Đúng tội danh: $\geq 98\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 98% được 5 điểm
19	29	- Ban hành văn bản kiến nghị yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm pháp luật điều tra: ≥ 01 kiến nghị tổng hợp /01 năm.		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm được 5 điểm; - Vượt 01 kiến nghị tổng hợp/01 năm cộng 2 điểm, tối đa không quá 5 điểm
	31	- Ban hành kiến nghị xử lý, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm: ≥ 03 kiến nghị/01 năm		5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 03 kiến nghị/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 kiến nghị/01 năm cộng 2 điểm; tối đa không quá 5 điểm
20	35	Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	- Đúng thời hạn: 100%	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 5 điểm
	36		- Đạt: $\geq 85\%$	5			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 85% được 5 điểm

STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm hoàn thành	Kết quả đạt được	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
Tổng điểm phần A1:			200			
A2. CHỈ TIÊU CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN CỦA C1						
1		Thực hiện yêu cầu điều tra của VKS: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
2		Yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp ban hành quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can khi có đủ căn cứ nhưng CQĐT không khởi tố: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
3		Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng hạn trên tổng số đơn khiếu nại, tố cáo mà đơn vị thụ lý đã giải quyết: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
4		Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đã được đơn vị giải quyết: $\geq 80\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 80% được 10 điểm - Vượt 2% cộng 1 điểm
5	56	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo và tội phạm, kiến nghị khởi tố: $> 90\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 90% được 10 điểm - Vượt 1% cộng 1 điểm
6	57	Tỷ lệ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết đúng thời hạn: 100%	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
7	58	Tỷ lệ số người bị bắt, tạm giữ về hình sự chuyển khởi tố bị can: $\geq 97\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 97% được 10 điểm - Vượt 1% cộng 1 điểm
8	59	Tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm trên tổng số án khởi tố: $\geq 70\%$	10			- Không đạt không chấm điểm - Đạt 70% được 10 điểm - Vượt 3% cộng 1 điểm